

Bản án số: 01/2020/LĐ-ST

Ngày: 25/8/2020

V/v: “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Vân và bà Lê Thị Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nga - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2020/TLST-TCLĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020 về “*Tranh chấp bảo hiểm xã hội*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST- TCLĐ ngày 04 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lâm Văn D (Tên khác: Lâm Quang D), sinh năm 1953. Địa chỉ: Tổ 06, thị trấn Nông trường L, huyện V, tỉnh Y. Có mặt. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Trần Quốc T, sinh năm 1940; Trú tại: Khu 05, thị trấn Nông trường L, huyện V, tỉnh Y. Có mặt.
2. Bị đơn: Bảo hiểm xã hội tỉnh Y. Địa chỉ: Đường N, tổ 02, phường Y, thành phố Y, tỉnh Y. Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trí Đ; Chức vụ: Giám đốc; Đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Đình C; Chức vụ: Phó giám đốc. Có mặt.
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty Cổ phần chè L
Địa chỉ: Tổ 02, thị trấn Nông trường chè L, huyện V, tỉnh Y. Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn T; Chức vụ: Giám đốc. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 6 năm 2020, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án:

I. Nguyên đơn ông Lâm Văn D, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - Trần Quốc T trình bày:

Tháng 03 năm 1976 ông D vào làm công nhân tại Xí nghiệp Nông công nghiệp chè L (nay là Công ty Cổ phần chè L) huyện V, tỉnh Y, đến tháng 8 năm 1996 thì nghỉ chế độ, thời gian công tác của ông D là 19 năm 10 tháng.

Đến ngày 14 tháng 10 năm 1996 thì ông D được Bảo hiểm xã hội tỉnh Y trả chế độ trợ cấp 1 lần theo quyết định số 55 ngày 14.10.1996, số tiền là: Mức bình quân tiền lương tháng để tính trợ cấp 1 lần là 220.500 đồng x 19 tháng = 4.195.200 đồng.

Số tiền này Cơ quan bảo hiểm xã hội tỉnh Y chi trả cho ông D là tiền lương cơ bản. Ông D cho rằng Bảo hiểm xã hội tỉnh Y đã trả thiếu cho ông những khoản tiền như sau:

1. Tiền phụ cấp khu vực: Theo lương tối thiểu Nhà nước quy định năm 1998 là: 140.000 đồng x 0,2% (phụ cấp khu vực) = 28.000 đồng. Tại thời điểm năm 1998 tiền phụ cấp khu vực của ông D còn thiếu là 28.000 đồng x 19 tháng = 532.000 đồng. Theo lương tối thiểu quy định của Nhà nước tại thời điểm năm 2020 là 1.490.000 đồng/ tháng x 0,2% = 298.000 đồng x 19 tháng = 5.662.000 đồng.

2. Tiền lương khoán: Theo lương tối thiểu Nhà nước quy định năm 1998 là 140.000 đồng x 1,04% = 145.600 đồng x 19 tháng = 2.766.000 đồng. Theo lương tối thiểu quy định của Nhà nước tại năm 2020 là 1.490.000 đồng x 1,04% = 1.549.600 đồng x 19 tháng = 29.442.000 đồng.

3. Tiền lương Bảo hiểm bị cắt không thanh toán chế độ do bảo hiểm không làm tròn năm công tác (10 tháng công tác làm tròn 12 tháng; 01 năm được hưởng 01 tháng chế độ). Lương cơ bản vào thời điểm năm 1998 là 2,44 x 140.000 đồng = 341.000 đồng x 1 tháng = 341.000 đồng. Theo lương tối thiểu của Nhà nước tại năm 2020 là 1.490.000 đồng/ 1 tháng là: 2,44 x 1.490.000 đồng = 3.635.000 đồng + 298.000 đồng (tiền phụ cấp khu vực) = 3.933.000 đồng.

Ông D yêu cầu Tòa án buộc Bảo hiểm xã hội tỉnh Y phải trả cho ông số tiền theo chế độ hiện hành (năm 2020) gồm các khoản sau:

- Tiền phụ cấp khu vực là 5.662.000 đồng
- Lương khoán 29.442.000 đồng
- 01 tháng lương tối thiểu 3.933.000 đồng

.....

Tổng cộng	39.037.000 đồng
-----------	------------------------

Quá trình giải quyết vụ án (Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Trần Quốc T) thay đổi yêu cầu khởi kiện, từ việc yêu cầu Bảo hiểm xã hội tỉnh Y phải thanh toán trả cho ông D 1 tháng lương thiếu do không làm tròn năm công tác (ông D có thời gian công tác là 19 năm 10 tháng, nhưng 10 tháng cuối không làm tròn thành 01 năm để được hưởng 1 tháng lương), số tiền là 3.933.000 đồng, sang tính đủ thời gian công tác cho ông D là 20 năm, để trả đủ chế độ cho ông D theo đúng thời gian công tác thực tế. Lý do, ông D bắt đầu vào làm việc tại Xí nghiệp Nông công nghiệp chè L vào tháng 3/1976 đến ngày 15/8/1996 thì nhận được quyết định nghỉ việc để hưởng bảo hiểm xã hội, do đó thời gian công tác của ông D sẽ được tính đến ngày nhận quyết định là đủ là 20 năm.

II. Bị đơn (Bảo hiểm xã hội tỉnh Yên Bái; Đại diện theo ủy quyền - ông Dương Đình C) trình bày: Xác nhận Bảo hiểm xã hội tỉnh Y là cơ quan giải quyết

chế độ đối với trường hợp của ông Lâm Văn D (tức Lâm Quang D), trên cơ sở hồ sơ, tài liệu do người sử dụng lao động lập, đã qua thẩm định. Việc giải quyết chế độ cho ông D là đúng, phù hợp với các quy định của văn bản pháp luật tại thời điểm giải quyết. Ông không nhất trí với tất cả các yêu cầu của nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đưa ra, với các lý do sau:

1. Về khoản tiền phụ cấp khu vực: Số tiền nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Bảo hiểm xã hội tỉnh Y phải thanh toán, trả ông D là 5.662.000 đồng là không có cơ sở. Vì, thời điểm ông D nghỉ việc được hưởng chế độ trợ cấp 1 lần, Nghị định 12 ban hành kèm theo Điều lệ bảo hiểm xã hội năm 1995 chưa quy định về việc chi trả tiền trợ cấp khu vực. Mãi đến năm 2008 Chính Phủ ban hành Nghị định 122/2008/NĐ - CP khoản 1, Điều 2 quy định “*Người lao động nghỉ việc đủ điều kiện hưởng lương hưu hoặc hưởng bảo hiểm xã hội một lần kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 trở đi, mà trước đó đã có thời gian đóng bảo hiểm xã hội bao gồm phụ cấp khu vực, thì ngoài hưởng lương hưu hoặc bảo hiểm xã hội một lần theo quy định còn được hưởng trợ cấp một lần tương ứng với thời gian và số tiền phụ cấp khu vực đã đóng bảo hiểm xã hội*”. Do ông D nghỉ chế độ, hưởng trợ cấp một lần tại thời điểm tháng 12/1995 nên không được áp dụng theo Nghị định này.

2. Về khoản tiền lương khoán: Nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Bảo hiểm xã hội tỉnh Y phải trả số tiền là 29.442.000 đồng, cũng không có căn cứ. Lý do, Bảo hiểm xã hội chỉ thu theo thang bảng lương nhà nước quy định (từ tháng 01/1991 - 12/1995 là 60 tháng, đóng BHXH ở bậc 4, nhóm I, bảng lương A.16 nông nghiệp, thủy lợi; từ tháng 01/1991 - 31/12/1995 (60 tháng), hệ số 1.84, lương tối thiểu chung tại thời điểm giải quyết là 120.000 đồng) và khoản thu này được tính vào bình quân lương của 5 năm cuối trước khi nghỉ việc để tính trợ cấp (căn cứ điểm 6 mục 4 Thông tư 06 ngày 4.4.1995 hướng dẫn áp dụng Điều lệ bảo hiểm xã hội). Còn lương khoán Bảo hiểm xã hội tỉnh Y không can thiệp.

3. Về việc đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, đề nghị Bảo hiểm xã hội tỉnh Y tính đủ thời gian công tác cho ông D là tròn 20 năm chứ không phải là 19 năm 10 tháng như trong hồ sơ giải quyết chế độ của ông D đã xác định cũng là vô lý, không có cơ sở: Lý do, ông D vào công tác tại Xí nghiệp Nông công nghiệp chè L từ tháng 3/1976 đến 31/12/1995 thì nghỉ việc. Tính từ thời điểm bắt đầu đến thời điểm kết thúc, thì thời gian công tác của ông D chỉ là 19 năm 10 tháng. Ông Tế đưa ra lý do, thời điểm Bảo hiểm xã hội tỉnh Y giải quyết chế độ cho ông D là năm 1996 (ngày 15/8/1996 ông D nhận được quyết định nghỉ việc để hưởng chế độ bảo hiểm), theo đó thời gian công tác thực tế của ông D được tính đến ngày nhận quyết định thì đủ 20 năm, là hết sức vô lý, không có cơ sở pháp luật.

III. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Công ty Cổ phần chè L) - Đại diện theo pháp luật - Ông Phạm Văn T trình bày: Nhất trí với quan điểm của Bảo hiểm xã hội tỉnh Yên Bái, các yêu cầu khởi kiện của ông D đối với Bảo hiểm xã hội tỉnh Y là không có căn cứ, bởi các lý do sau:

1. Về khoản tiền phụ cấp khu vực: Ông D yêu cầu phải được chi trả trợ cấp 1 lần bao gồm cả phụ cấp khu vực 0,2%, là không có cơ sở, vì tại thời điểm ông D nghỉ việc, Nghị định 12 ban hành kèm theo Điều lệ bảo hiểm xã hội 1995 chưa quy định về việc chi trả tiền phụ cấp khu vực cho người lao động.

2. Đối với khoản tiền lương khoán: Ông D yêu cầu phải được chi trả chế độ đối với lương khoán của mình với doanh nghiệp là không đúng. Lý do, Doanh nghiệp và người lao động chỉ đóng bảo hiểm xã hội (viết tắt BHXH) căn cứ trên mức lương cơ bản, theo thang bậc lương Nhà nước quy định chứ không đóng BHXH trên mức lương khoán sản phẩm với công ty. Do vậy tham gia đóng BHXH ở mức lương nào thì được hưởng chế độ trên cơ sở mức lương đó. Lương khoán sản phẩm người lao động hưởng toàn bộ.

3. Ông Tể yêu cầu Bảo hiểm xã hội tỉnh Y tính đủ thời gian công tác cho ông D 20 năm là không đúng. Lý do, ông D vào làm việc tại Xí nghiệp Nông công nghiệp chè L (nay là Công ty CP chè L) từ tháng 3/1976 đến 31/12/1995 thì nghỉ, Bảo hiểm xã hội tỉnh Y xác định thời gian công tác, có đóng bảo hiểm xã hội của ông D là 19 năm 10 tháng là đúng. Từ năm 1996 trở đi, ông D đã không còn là công nhân, cũng như không tham gia đóng BHXH tại doanh nghiệp.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Y phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án, cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, các thành viên của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các quyền, nghĩa vụ của đương sự đã được bảo đảm.

+ Về nội dung: Đề nghị HĐXX bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Bảo hiểm xã hội tỉnh Y trả cho nguyên đơn các khoản tiền, gồm: Phụ cấp khu vực, tiền lương khoán và tính đủ thời gian công tác cho ông D là 20 năm, do không có căn cứ pháp luật. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, miễn nộp tiền án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Lâm Văn D có đơn khởi kiện yêu cầu Bảo hiểm xã hội tỉnh Y trả cho ông các khoản tiền phụ cấp khu vực, lương khoán và tính đủ thời gian công tác cho ông, căn cứ điểm d khoản 1 Điều 32 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp về bảo hiểm xã hội”. Bị đơn có địa chỉ trụ sở tại tổ 02, phường Yên Thịnh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Căn cứ khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái.

[1.1] Về thời hiệu khởi kiện: Vụ án còn thời hiệu khởi kiện theo quy định của Điều 202 Bộ luật lao động 2012.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Trần Quốc T có yêu cầu thay đổi nội dung khởi kiện, từ việc yêu cầu Bảo hiểm xã hội tỉnh Y phải thanh toán, trả cho ông D 1 tháng lương thiếu do không làm tròn năm công tác (ông D có thời gian công tác là 19 năm 10 tháng, nhưng 10 tháng cuối không làm tròn thành 01 năm để được

hưởng 1 tháng lương, số tiền là 3.933.000 đồng) sang tính đủ thời gian công tác cho ông D là 20 năm, để trả đủ chế độ cho ông D theo đúng thời gian công tác thực tế. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông Tể vẫn nằm trong phạm vi khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Bảo hiểm xã hội tỉnh Y phải trả cho ông Lâm Văn D các khoản tiền, gồm: Tiền phụ cấp khu vực, tiền lương khoán và tính đủ thời gian công tác cho ông D là 20 năm. Đối với từng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX thấy:

[2.1] Về khoản tiền phụ cấp khu vực: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền là 5.662.000 đồng, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, ông D nghỉ việc thuộc diện được hưởng chế độ trợ cấp 1 lần. Văn bản pháp luật điều chỉnh tại thời điểm này là Nghị định 12 về việc ban hành Điều lệ bảo hiểm xã hội năm 1995. Tuy nhiên, Điều lệ bảo hiểm xã hội năm 1995 chưa có quy định về việc chi trả tiền phụ cấp khu vực cho người lao động. Đến năm 2008, Chính Phủ ban hành Nghị định 122/2008/NĐ - CP khoản 1, Điều 2 quy định “*Người lao động nghỉ việc đủ điều kiện hưởng lương hưu hoặc hưởng bảo hiểm xã hội một lần kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 trở đi, mà trước đó đã có thời gian đóng bảo hiểm xã hội bao gồm phụ cấp khu vực, thì ngoài hưởng lương hưu hoặc bảo hiểm xã hội một lần theo quy định còn được hưởng trợ cấp một lần tương ứng với thời gian và số tiền phụ cấp khu vực đã đóng bảo hiểm xã hội*”. Do ông D nghỉ chế độ, hưởng trợ cấp một lần tại thời điểm tháng 12/1995 nên không được áp dụng theo Nghị định này. Do đó, yêu cầu của ông D là không có căn cứ, không được HĐXX chấp nhận.

[2.2]. Về khoản tiền lương khoán: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền là 29.442.000 đồng. Căn cứ điểm 6 mục 4 Thông tư 06 ngày 4.4.1995 hướng dẫn áp dụng Điều lệ bảo hiểm xã hội, và các tài liệu, chứng cứ do Bị đơn cung cấp, thì Bảo hiểm xã hội tỉnh Y chỉ thu theo thang bảng lương nhà nước quy định (từ tháng 01/1991 - 12/1995 là 60 tháng, đóng BHXH ở bậc 4, nhóm I, bảng lương A.16 nông nghiệp, thủy lợi; từ tháng 01/1991 - 31/12/1995 (60 tháng), hệ số 1.84, lương tối thiểu chung tại thời điểm giải quyết là 120.000 đồng) và khoản thu này được tính vào bình quân lương của 5 năm cuối trước khi nghỉ việc để tính trợ cấp. Do đó, việc Trần Quốc T - Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng ông D đã phải nộp thêm một khoản tiền (mà tất cả mọi người phải đóng bằng nhau), đó là sẽ trích 1,04% từ tổng số thu nhập của ông D được hưởng mỗi tháng, để nộp Bảo hiểm xã hội là không có căn cứ. Vì vậy, không chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lương khoán là 29.442.000 đồng.

[2.3] Về việc Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, yêu cầu Bảo hiểm xã hội tỉnh Y tính đủ thời gian công tác cho ông D là tròn 20 năm chứ không phải là 19 năm 10 tháng, HĐXX thấy: Căn cứ bản khai quá trình tham gia bảo hiểm xã hội của ông D; Đơn viết tay có xác nhận của ông D; Quyết định nghỉ việc để hưởng chế độ bảo hiểm của Xí nghiệp Nông công nghiệp chè L; Phiếu thăm định hồ sơ do đơn vị sử dụng lao động lập, thể hiện ông D vào công tác tại Xí nghiệp Nông công nghiệp chè L từ tháng 3/1976 đến 31/12/1995 thì nghỉ. Tính từ thời điểm bắt đầu đến thời điểm kết thúc, thời gian công tác của ông D được xác định 19 năm 10

tháng là đúng, phù hợp với quy định tại mục 20 Văn bản số 169/BHXXH ngày 17/02/1981 của Bộ lao động - Thương binh (cũ) ban hành kèm theo tập Luật lệ hóa về các chế độ BHXH: “Khi xét điều kiện về thời gian công tác để hưởng chế độ BHXH hàng tháng hoặc một lần nhất thiết phải tính đủ năm (12 tháng), 10 năm phải là 120 tháng, đủ 15 năm phải là 180 tháng; đồng thời cũng phù hợp với quy định tại điểm b mục 5 công văn số 546/BHXXH/CĐCS ngày 15/6/21996 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, như sau: “*Cách tính thời gian công tác để hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần không quy đổi, không tính tháng lẻ và tính đến ngày người đó nghỉ việc*”.

Việc ông Tế đưa ra lý do, thời điểm Bảo hiểm xã hội tỉnh Y giải quyết chế độ cho ông D là năm 1996 (Ngày 15/8/1996 ông D mới được nhận quyết định nghỉ việc để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, theo đó thời gian công tác thực tế của ông D được kéo dài, tính đến ngày nhận quyết định, thì đủ 20 năm là không có cơ sở, không được HĐXX chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, có cơ sở chấp nhận ý kiến trình bày của bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và quan điểm về giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái.

[3] Về án phí: Ông Lâm Văn D được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 244; các Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

, - Căn cứ các Điều 28, 29, 37 Nghị định số 12 về việc ban hành Điều lệ bảo hiểm xã hội ngày 26/1/1995; Thông tư 06/TT -LĐTBXH ngày 4/4/1995 hướng dẫn thi hành một số điều để thực hiện Điều lệ bảo hiểm xã hội; Khoản 1 Điều 2 Nghị định 122/2008/NĐ - CP ngày 04/12/2008 về việc thực hiện phụ cấp khu vực;

- Căn cứ khoản 3; 4 Điều 145; khoản 2 Điều 151 Bộ luật lao động 1994;

- Căn cứ các Điều 200; Điều 202 Bộ luật lao động 2012;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn D (tức Lâm Quang D) về việc yêu cầu Bảo hiểm xã hội tỉnh Y phải thanh toán cho ông các khoản tiền, gồm: Tiền phụ cấp khu vực 5.662.000 đồng; Tiền lương khoản 29.442.000đồng và yêu cầu tính đủ thời gian công tác cho ông D là 20 năm.

2. Về án phí: Ông Lâm Văn D được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Yên Bái;
- Các đương sự (03);
- VKSND thành phố Yên Bái;
- Chi cục THADS thành phố Yên Bái;
- Lưu hồ sơ, TA, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thủy

-